

Bản án số: 158/2020/DS-ST

Ngày: 20/8/2020

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Lê Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hòa Bình

2. Ông Ngô Hữu Quang

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Xuân Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh:*
Bà Nguyễn Thị Hương – Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 08 năm 2020 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7 mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 109/2020/DSST ngày 06 tháng 05 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2020/QĐXXST-DS ngày 08/07/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 85/2020/QĐHPT-DS ngày 24/7/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Quỹ tín dụng nhân dân Đ;

Địa chỉ: Số 5 đường A, phường Q, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Nguyễn Tấn Đ; là người đại diện theo ủy quyền

(Văn bản ủy quyền số 64/UQ-QTD ngày 09/04/2020) – Có mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Số 903/4/10 đường S, Khu phố C, phường H, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; Các bản tự khai; Biên bản không tiến hành hòa giải được cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ và tại phiên tòa thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Nguyên đơn có ông Nguyễn Tấn Đ là đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Vào ngày 28/12/2019 bà Nguyễn Thị Kim L có ký hợp đồng tín dụng số 3-0001535 với số tiền vay là 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng; Thời hạn vay 12 tháng; Lãi suất thời điểm ký hợp đồng là 9,977%/năm; Hình thức trả nợ là trả góp; Mục đích vay là mua sắm vật dụng gia đình; Hình thức bảo đảm nợ vay là tín chấp.

Tính đến ngày 20/08/2020, bà Nguyễn Thị Kim L còn nợ Quỹ tín dụng nhân dân Đ số tiền cụ thể như sau:

1. Số tiền nợ gốc: 30.000.000 đồng

Bà Nguyễn Thị Kim L đã trả được: 2.833.000 đồng

Nợ gốc còn phải trả = 30.000.000 đồng – 2.833.000 đồng = 27.167.000 (Hai mươi bảy triệu một trăm sáu mươi bảy ngàn) đồng.

2. Số tiền nợ lãi theo hợp đồng vay tài sản đã ký bao gồm:

- Tiền lãi trong hạn = 1.925.000 đồng. Tính từ ngày 28/12/2019 đến ngày 20/08/2020.

- Tiền lãi chậm trả tính trên nợ lãi chậm trả: 89.000 đồng (Tính từ ngày 04/01/2020 đến ngày 20/08/2020).

- Tiền lãi chậm trả tính trên nợ gốc chậm trả: 131.000 đồng (Tính từ ngày 04/01/2020 đến ngày 20/08/2020).

Tổng số tiền bà Nguyễn Thị Kim L phải trả cho Quỹ tín dụng nhân dân Đ tính đến ngày 20/8/2020 là: 29.312.000 (Hai mươi chín triệu ba trăm mười hai ngàn) đồng.

Do bà Nguyễn Thị Kim L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với hợp đồng tín dụng đã ký nên Quỹ tín dụng nhân dân Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 7 xét xử buộc bà Nguyễn Thị Kim L phải thanh toán cho Quỹ tín dụng nhân dân Đ tổng số tiền là 29.312.000 (Hai mươi chín triệu ba trăm mười hai ngàn) đồng. Trả 01 lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bà Nguyễn Thị Loan phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 3-0001535 ngày 28/12/2019 kể từ ngày 21/08/2020 cho đến khi thi hành án xong.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập và Thông báo kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định

hoàn phiên tòa theo quy định pháp luật nhưng bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L không đến, không có văn bản trình bày ý kiến.

Ý kiến của Viện kiểm sát Nhân dân Quận 7:

1. Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý quy định tại các điều từ Điều 26 đến Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ 93 đến 97 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án được giải quyết đúng thời hạn quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 86 và Điều 234 Bộ luật tố tụng năm 2015.

Bị đơn mặc dù đã được Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng trong suốt quá trình từ khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cho đến phiên tòa hôm nay bị đơn vẫn vắng mặt không lý do. Như vậy, bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng năm 2015.

3. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1] Nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân Đ khởi kiện bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L phải thanh toán số tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng số 3-0001535 ngày 28/12/2019. Đây là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

[1.2] Căn cứ kết quả xác minh của Công an phường H, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo phiếu yêu cầu xác minh số: 94/2020/TAQ7 ngày 07/5/2020 của Tòa án nhân dân Quận 7 thì: “Đương sự Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1970, hộ khẩu thường trú: 903/4/10 Tổ A, Khu phố C, phường H, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Bán nhà từ 4/2020 đi đâu không rõ”.

[1.3] Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số 3-0001535 ngày 28/12/2019 thì bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L xác nhận địa chỉ cư trú là tại: 903/4/10 đường S, Khu phố C, phường H, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.4] Căn cứ điểm a Khoản 2 Điều 6 Nghị quyết Số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 05 năm 2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao: “*Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là “đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở”. Trường hợp người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án vì lý do không tổng đạt được cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*”,

Từ sự phân tích ở các mục từ [1.1] đến [1.4] và theo quy định tại Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về hình thức

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L. Tuy nhiên, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Kim L theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

[3.1] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân Đ đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L, căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa:

Xét, căn cứ hợp đồng tín dụng số 3-0001535 ngày 28/12/2019 có đủ căn cứ xác định Quỹ tín dụng nhân dân Đ và bà Nguyễn Thị Kim L đã ký hợp đồng vay tài sản, cụ thể: Số tiền vay là 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng, Thời hạn vay 12 tháng; Lãi suất thời điểm ký hợp đồng là 9,977%/năm; Hình thức

trả nợ là trả góp; Mục đích sử dụng vốn là mua sắm vật dụng gia đình; Hình thức bảo đảm nợ vay là tín chấp.

Căn cứ vào Giấy nhận nợ ngày 28/12/2019 và Phiếu chi ngày 28/12/2019, xác định bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L đã được nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân Đ giải ngân và bà Nguyễn Thị Kim L đã nhận đủ số tiền 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn là bà Nguyễn Thị Kim L đã thanh toán cho Quỹ tín dụng nhân dân Đ số tiền gốc là 2.833.000 (Hai triệu tám trăm ba mươi ba ngàn) đồng.

Tính đến ngày 20/08/2020, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L còn nợ nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân Đ tổng cộng số tiền: 29.312.000 (Hai mươi chín triệu ba trăm mười hai ngàn) đồng, trong đó số tiền nợ gốc là: 27.167.000 (Hai mươi bảy triệu một trăm sáu mươi bảy ngàn) đồng; số tiền nợ lãi trong hạn là 1.925.000 (Một triệu chín trăm hai mươi lăm ngàn) đồng (Kể từ ngày 28/12/2019 đến ngày 20/08/2020); Số tiền lãi chậm trả tính trên nợ lãi chậm trả là: 89.000 đồng (Tám mươi chín ngàn) đồng (Tính từ ngày 04/01/2020 đến ngày 20/08/2020); Số tiền lãi chậm trả tính trên nợ gốc chậm trả là: 131.000 đồng (Một trăm ba mươi một ngàn) đồng (Tính từ ngày 04/01/2020 đến ngày 20/08/2020).

Xét, theo quy định của pháp luật:

+ Căn cứ khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn”*.

+ Căn cứ Khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”*.

Xét, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn là bà Nguyễn Thị Kim L. Tuy nhiên bà Nguyễn Thị Kim L không đến tòa trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu chứng cứ cho tòa nên căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình, nên phải chịu hậu quả theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xem xét các tài liệu chứng cứ, lời khai của nguyên đơn để làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án.

Do đó, yêu cầu của nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân Đ buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L phải thanh toán tổng số tiền là: 29.312.000 (Hai mươi chín triệu ba trăm mười hai ngàn) đồng, trong đó số tiền nợ gốc là: 27.167.000 (Hai mươi bảy triệu một trăm sáu mươi bảy ngàn) đồng; số tiền nợ lãi trong hạn là 1.925.000 (Một triệu chín trăm hai mươi lăm ngàn) đồng (Kể từ ngày 28/12/2019 đến ngày 20/08/2020); Số tiền lãi chậm trả tính trên nợ lãi chậm

trả là: 89.000 đồng (Tám mươi chín ngàn) đồng (Tính từ ngày 04/01/2020 đến ngày 20/08/2020); Số tiền lãi chậm trả tính trên nợ gốc chậm trả là: 131.000 đồng (Một trăm ba mươi một ngàn) đồng (Tính từ ngày 04/01/2020 đến ngày 20/08/2020) là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về thời hạn trả nợ:

Nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân Đ yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L phải trả số tiền nợ gốc và nợ lãi ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Xét, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong thời gian dài, ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn, nên với yêu cầu này của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[3.3] Về tiền lãi sau ngày xét xử sơ thẩm:

Nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân Đ yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 3-0001535 ngày 28/12/2019 cho đến khi thi hành án xong.

Căn cứ Điều 7 của hợp đồng tín dụng số 3-0001535 ngày 28/12/2019: “Số nợ gốc, lãi tiền vay đến hạn mà bên vay không trả được hoặc trả không đầy đủ và không được Quỹ tín dụng cho cơ cấu lại thời gian trả nợ hoặc thời hạn cơ cấu lại nợ đã hết thì Quỹ tín dụng sẽ chuyển toàn bộ dư nợ gốc thực tế kể cả phần dư nợ chưa đến hạn (nếu có) theo Hợp đồng này sang nợ quá hạn. Quỹ tín dụng sẽ áp dụng mức lãi suất tính đối với phần nợ gốc, tiền lãi vay không trả được tương tự như cách tính lãi chậm trả tại Khoản 2, Khoản 3, Điều 3 Hợp đồng này”.

Do đó, yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp với các quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.4] Về án phí:

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng Luật Phí, lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014,

Xử:

[1] Về hình thức: Xử vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L.

[2] Về nội dung:

[2.1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân Đ.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim L phải có trách nhiệm trả cho Quỹ tín dụng nhân dân Đ tổng số tiền tính đến ngày 20/08/2020 là: 29.312.000 (Hai mươi chín triệu ba trăm mười hai ngàn) đồng, trong đó số tiền nợ gốc là: 27.167.000 (Hai mươi bảy triệu một trăm sáu mươi bảy ngàn) đồng; số tiền nợ lãi trong hạn là 1.925.000 (Một triệu chín trăm hai mươi lăm ngàn) đồng (Kể từ ngày 28/12/2019 đến ngày 20/08/2020); Số tiền lãi chậm trả tính trên nợ lãi chậm trả là: 89.000 đồng (Tám mươi chín ngàn) đồng (Tính từ ngày 04/01/2020 đến ngày 20/08/2020); Số tiền lãi chậm trả tính trên nợ gốc chậm trả là: 131.000 đồng (Một trăm ba mươi một ngàn) đồng (Tính từ ngày 04/01/2020 đến ngày 20/08/2020).

Trả ngay một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[2.2] Kể từ ngày 21/08/2020 bà Nguyễn Thị Kim L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 3-0001535 ngày 28/12/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Quỹ tín dụng nhân dân Đ cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Quỹ tín dụng nhân dân Đ cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Quỹ tín dụng nhân dân Đ cho vay.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.465.600 đồng (Một triệu bốn trăm sáu mươi lăm nghìn sáu trăm) đồng.

Hoàn trả lại số tiền án phí dân sự sơ thẩm cho Quỹ tín dụng nhân dân Đ là 726.000 (Bảy trăm hai mươi sáu ngàn) đồng, theo biên lai thu số: AA/2018/0032379 ngày 06/05/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân Đ được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 1, 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)**

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKS ND Q.7;
- Chi cục THADS Q.7;
- Đường sự;
- Lưu, hồ sơ (Tk. Xuân Duyên).

Đào Lê Anh